

Bản án số: 11/2018/HS-ST

Ngày: 13-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Vân** và ông **Đỗ Xuân Tính**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Thuyên**-Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Văn D, sinh năm 1971; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ P, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Điệp K và bà Hoàng Thị V; vợ: Nguyễn Thị B; con: có 03 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1997) ; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2006 bị công an huyện Ứng Hòa xử lý hành chính về hành vi: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chấp hành hình phạt xong ngày 06/10/2006. Ngày 14/11/2010, bị TAND huyện Ứng Hòa xử phạt 05 năm tù về tội “ Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”, 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 06 năm tù, chấp hành xong hình phạt từ ngày 14/12/2011. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/12/2017 đến ngày 20/12/2017, hiện tại ngoại tại địa phương. (Có mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị **Nguyễn Thị B** – sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ P, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội

+ Anh **Nguyễn Văn C** – sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn D K, P T, huyện U H, TP. Hà Nội

***Người làm chứng:** Anh **Nguyễn Văn M** – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ P, xã P T, huyện U H, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 11/12/2017, **Đỗ Văn D** đi đến thôn N Đ, xã P T tìm mua được của một người đàn ông không quen biết được 01 gói ma

túy với giá 1.000.000đ. D đem về nhà chia ra thành 08 gói nhỏ rồi cất vào túi áo cổ tay bên trái, màu xanh treo ở mắc quần áo trong phòng ngủ của D với mục đích có ai hỏi mua thì bán kiếm lời. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, D đang ở nhà thì anh Nguyễn M C ở thôn D K, xã P T đến hỏi mua 01 gói ma túy. D đưa ma túy cho C và nhận từ C 200.000đ, khi D cầm tiền cất vào túi áo đang mặc thì bị Công an huyện Ứng Hòa bắt quả tang cùng với vật chứng của vụ án, gồm: 01 gói ma túy, bên ngoài bọc bằng giấy, bên trong là các cục bột màu trắng, thu của Nguyễn M C, Công an đã niêm phong vào phong bì thư ký hiệu Mẫu A1; Thu trên người Đỗ Văn D 200.000đ là số tiền D vừa bán ma túy cho C.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Văn D, thu giữ 07 gói ma túy để trong túi áo cổ tay màu xanh của D treo ở mắc quần áo trong buồng ngủ, bên ngoài bọc bằng giấy, bên trong đều có các cục bột màu trắng được niêm phong vào phong bì Mẫu A2.

Ngày 11/12/2017, Cơ quan CSĐT công an huyện Ứng Hòa quyết định trưng cầu giám định mẫu vật chứng kể trên. Kết quả, tại bản kết luận số: 136/KLGD –PC 54, ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội đã kết luận:

“Chất bột màu trắng bên trong một gói (thu của Nguyễn M C, ký hiệu mẫu A1) là ma túy, loại Heroin, trọng lượng: 0,022 gam; Chất bột màu trắng bên trong 07 gói (thu giữ khi khám xét nơi ở của Đỗ Văn D, ký hiệu A2) đều là ma túy, loại Heroin, tổng trọng lượng 0,298 gam”.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 07 tháng 02 năm 2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo D từ 24 đến 30 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy số ma túy gửi lại sau giám định; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người liên quan và người làm chứng; vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 11/12/2017, Đỗ Văn D ở thôn Đ P, xã P T, huyện Ứng Hòa có hành vi bán cho Nguyễn M C ở D K, xã P T 01 gói ma túy Heroin trọng lượng 0,022 gam với giá 200.000đ thì bị Công an huyện Ứng Hòa bắt quả tang. Khám xét nơi ở của Đỗ Văn D thu giữ tại túi áo cộc tay màu xanh của D treo ở mắc quần áo trong buồng ngủ 07 gói Heroin trọng lượng 0,298 gam. Như vậy, tổng trọng lượng Heroin mà D tàng trữ để bán là 0,320 gam. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét, hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn D đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước, làm gia tăng tệ nạn ma túy, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Bị cáo có nhân thân xấu. Do đó phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng đối với bị cáo và phòng ngừa chung, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới phản ánh đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với Nguyễn M C là đối tượng nghiện ma túy. Ngày 11.12.2017, C mua 01 gói ma túy có trọng lượng 0,022 gam của Đỗ Văn D để sử dụng thì bị bắt quả tang. Bản thân C chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến ma túy. Do vậy, hành vi của C không phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cơ quan điều tra chuyển toàn bộ tài liệu về việc vi phạm của C đến Ủy ban nhân dân xã P T để đề nghị đưa Nguyễn M C vào giáo dục tại xã theo Nghị định 111/NĐ-CP ngày 30/9/2013 là có căn cứ.

Đối với người bán ma túy cho D, D khai nhận mua của người đàn ông khoảng 40 tuổi ở Ngọc Động, P T, D không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, việc mua bán ở ngoài đường không có ai biết nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị B là vợ của bị cáo D; Bản thân chị B không biết bị cáo D cất giấu 07 gói ma túy tại nhà và cũng không biết bị cáo D bán ma túy nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị B là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 gói ma túy thu của Nguyễn M C và 07 gói ma túy thu giữ của Đỗ Văn D gửi lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền 200.000đồng là tiền mà bị cáo D bán ma túy cho anh C nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà Nước là phù hợp với quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của BLHS; Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 331, Điều 333 của BLTTHS.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.
2. Xử phạt Đỗ Văn D **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/12/2017 đến ngày 20/12/2017.
3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong gửi lại sau giám định. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). *(Tình trạng như B bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà ngày 12/3/2018 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 08/3/2018)*
4. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Người có quyền lợi liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Công an huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh